

Bản án số: 40/2020/HSST
Ngày 15 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Ninh
Bà Nguyễn Thị Trúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ hình sự thụ lý số 37/2020/HSST ngày 09/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXX-ST ngày 01/7/2020 đối với các bị cáo

1. Bị cáo: Hà Thị T, sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn DT, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Thọ L (đã chết) và bà Lê Thị Mi; Chồng Hà Xuân Tr và 2 con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự; Tiền án: Không, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2019 đến ngày 17/01/2020 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Hà Thị L, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn CT, xã TT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Quang Th và con bà Hà Thị Ng; Chồng Nguyễn Văn B và 03 con nhỏ; Tiền sự, tiền án: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/01/2020 đến nay, hiện tại ngoại, có mặt.

Người làm chứng: Chị Đào Thị Nh, sinh năm 1987 và anh Hà Xuân Th, sinh năm 1986, đều trú tại thôn CT, xã TT huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/12/2019 bị cáo Hà Thị T, đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh lô đề của mình với Hà Thị L, cụ thể ngày 29/12/2019 Hà Thị L dùng điện thoại (sim rác nên không nhớ số) gọi cho số máy 0971947797 của T để mua số lô đề, bị cáo T đồng ý và ghi các số lô, đề L mua vào giấy (các đề) với số tiền 4.920.000đ, bảng trúng 4.700.000đ (số đề 01 x 10.000đ đồng trúng 700.000đ) trúng số lô 60 (20 điểm do số 60 về 2 lần) 28, 81, 20 x 10 điểm tương ứng 50 điểm lô, L thắng 4.700.000đ, cân đối thắng thua ngày 29/12/2019, lỗ 220.000đ, các bị cáo chưa thanh toán tiền cho nhau, sau khi chốt thắng thua, Tuyết đã đốt tờ các đề mà L đánh với T, L cũng đã vứt sim và số điện thoại dùng để liên lạc đánh lô đề với T xuống ao nên cơ quan điều tra không thu giữ được, quá trình kiểm tra điện thoại của L trong phần tin nhắn Zalo giữa tài khoản Zalo “Hà Thị Tuyết” của Hà Thị T và “Hà Liên” của Hà Thị L có nội dung tin nhắn chốt thắng thua và báo các số trúng của T cho L.

Ngoài ra trong tin nhắn Zalo thu được trong điện thoại của bị cáo T có nội dung chốt nợ ngày 27/12/2019 và ngày 28/12/2019, bị cáo T khai nhận đó là nội dung tin nhắn bị cáo nhắn từ tài khoản Zalo “ Hà Thị Tuyết” của bị cáo đến tài khoản Zalo “ Hà Liên” của bị cáo L để chốt nợ tiền lô đề và nợ tiền hàng mà L và T mua bán hàng và đánh lô đề với nhau các ngày trước đó cộng dồn, tuy nhiên quá trình điều tra chỉ xác định được số nợ cộng dồn mà không xác định được thời gian đánh ngày nào, hình thức đánh, các số lô, đề cũng như số tiền từng ngày các bị cáo đánh, nên không đủ căn cứ để xử lý.

Ngoài nhận bằng của L và Nh, Cơ quan điều tra còn thu giữ tại nhà bị cáo T 01 tờ giấy có số và chữ, bị cáo khai nhận là giấy bị cáo ghi số lô, đề của con bạc mua số lô đề ngày 24/12/2019 với số tiền 2.953.000đ trúng 4.900.000đ tiền đề và 1.120.000đ tiền lô, tổng số tiền đánh và trúng là 8.973.000đ, do thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ đây là các đề ghi cho ai, quá trình điều tra đã áp dụng nhiều biện pháp thu thập chứng cứ nhưng không xác định được đối tượng đánh lô đề với bị cáo ngày 24/12/2019, nên không có căn cứ xử lý đối tượng đánh bạc với bị cáo và hành vi nhận bằng ngày 24/12/2019 vì vậy hành vi này của bị cáo T bị Công an huyện Triệu Sơn xử lý hành chính tại quyết định xử phạt hành chính số 0063022 ngày 15/5/2020

Khám xét khẩn cấp nhà bị cáo T thu số tiền 65.100.000đ, 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Iphone X, 01 điện thoại Chilli A111, 01 điện thoại Oppo và 01 điện thoại Nokia đều đã qua sử dụng.

Cách thức đánh bạc của các bị cáo: Các bị cáo lấy hai số bất kỳ từ 00 đến 99, sau đó đánh bạc với chủ lô đề hoặc thư ký bằng hình thức gọi điện, cuối ngày so sánh các số đã đánh với kết quả xổ số Miền Bắc và cân đối thắng thua. 01 điểm lô bằng 22.000đ, trúng được hưởng 80.000đ; đề nếu trúng người đánh được hưởng gấp 70 lần số tiền đã đánh, các thư ký hoặc con bạc chơi nhiều sẽ được chủ đề trích hoa hồng 20% với số đề và 500đ đến 1.000đ đồng 1 điểm lô.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã trả 01 điện thoại Chilli A111 màu xanh đen cho Hà Thị Tr (con gái bị cáo T) 01 điện thoại Oppo màu trắng và 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh cho anh Hà Xuân Tr (chồng bị cáo T) 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng bạc bị vỡ màn hình cho Hà Xuân Tr (con trai bị cáo T) 01 điện thoại Sam sung 150 cho Hà Quang Ch (chồng chị Nh) và số tiền 50.000.000đ cho chị Hà Thị V (em gái bị cáo T) trả cho bị cáo T số tiền 15.000.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội; đưa vào hồ sơ vụ án 02 tờ giấy ghi số lô đề; chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn 01 điện thoại Iphone X của bị cáo T dùng để giao dịch bằng lô đề và số tiền 2.000.000đ Hà Thị L gửi cho Hà Thị Ng để thanh toán tiền đánh lô đề với T.

Cáo trạng số 34/CT/VKS ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đã truy tố các bị cáo T, L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, (BLHS), tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 58, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đối với cả hai bị cáo, thêm Điều 65 BLHS đối với bị cáo T, Điều 36 BLHS đối với bị cáo L để xử phạt bị cáo Hà Thị T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục.

Xử phạt bị cáo Hà Thị L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền nơi bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L và miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo.

Vật chứng đề nghị áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tịch thu số tiền 2 triệu đồng sung quỹ Nhà nước, tịch thu phát mại 01 điện thoại Iphone X của bị cáo T sung quỹ Nhà nước, truy thu của bị cáo T số tiền 4.700.000đ và truy thu của bị cáo Li số tiền 2.920.000đ sung quỹ Nhà nước.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhận tội như Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng đều không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện thể hiện trong hồ sơ điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận:

Bị cáo L khai: Ngày 29/12/2019 bị cáo dùng số sim rác gọi điện đến số máy 0971947797 của bị cáo T để mua số lô đề, bị cáo T đồng ý, bị cáo đã mua số lô đề với bị cáo T tổng số tiền là 4.920.000đ và trúng được 4.700.000đ, số tiền đánh lô đề bị cáo mới gửi thanh toán cho T 2.000.000đ qua chị Ng, chị Ng chưa kịp đưa cho T thì bị thu giữ, số tiền đánh bạc còn lại bị cáo chưa đưa cho T và số tiền bị cáo trúng lô đề với bị cáo T là 4.700.000đ, T chưa thanh toán cho bị cáo.

Bị cáo T khai nhận: Ngày 29/12/2019 bị cáo L có gọi điện thoại đến số máy 0971947797 của bị cáo để đánh lô đề với tổng số tiền 4.920.000đ, cuối ngày chốt thắng thua bị cáo L thắng 4.700.000đ, bị cáo chưa thanh toán số tiền này cho L mà L cũng chưa thanh toán số tiền đánh lô đề 4.920.000đ cho bị cáo. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc ngày 29/12/2019 là 9.620.000đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp Biên bản đầu thú phạm tội quả tang, lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 04/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

HĐXX đủ căn cứ kết luận hành vi của Hà Thị T và Hà Thị L đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội các bị cáo gây ra:

Các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, hành vi phạm tội xảy ra tại địa bàn đông dân cư gây bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn, nên cần phải xử lý nghiêm

[4] Đánh giá về vai trò trách nhiệm của từng bị cáo: Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng không có sự khởi xướng, tổ chức nên chỉ là đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo T là người ôm băng đề đánh đề với nhiều người nhiều lần và có nhân thân xấu, ngày 15/5/2020 bị xử lý hành chính về hành vi đánh lô đề vào ngày 24/12/2019 với Th và Nh nên phải chịu trách nhiệm cao hơn L, còn bị cáo L vai trò sau T.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng bị cáo T đầu thú, bị cáo L có bố, bác ruột được tặng thưởng huân chương kháng chiến, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo T chồng đi làm ăn xa, một mình nuôi mẹ già và con nhỏ, bị cáo L đang phải nuôi 3 con nhỏ, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,i khoản 1,2 Điều 51 BLHS cho hai bị cáo

[5] Xét thấy nhân thân các bị cáo:

Bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước đến nay bản thân và gia đình đều chấp hành tốt pháp luật, tham gia tích cực các phong trào địa phương, gia đình hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (2 tình tiết ở khoản 1 và 02 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 BLHS) nghĩ không cần thiết cách ly các bị cáo mà áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục đối với bị cáo. Việc cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người nhất thời phạm tội, ăn năn hối cải.

Đối với bị cáo T cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải lần đầu bị xử lý hình sự, việc bị cáo bị xử lý hành chính là sau khi bị khởi tố nên không bị xem là tiền sự, với nhân thân bị cáo lẽ ra nên cách ly bị cáo một thời gian nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi phạm tội đầu thú, có nơi cư trú rõ ràng; Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (2 tình tiết ở khoản 1 và 02 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 BLHS) nghĩ nên xử phạt tù và chiếu cố cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương không làm ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm mà thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối

với người lần đầu vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải.

Về xử lý vật chứng:

Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh lô đề là 9.620.000đ, (*Chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) trong đó số tiền L dùng đánh lô đề với T là 4.920.000đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn*), mới thu giữ 2.000.000đ còn 2.920.000đ, chưa thu giữ, đây là công cụ phiên tiện phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước, đối với số tiền L thắng lô đề với T là 4.700.000đ, (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) bị cáo T chưa đưa cho bị cáo L, đây cũng là công cụ phương tiện phạm tội nên truy thu sung quỹ Nhà nước, đối với 01 điện thoại Iphone X thu giữ của bị cáo T, đây là chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng làm phương tiện đánh bạc nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước, đối với số tiền 2.000.000đ thu giữ của chị Ng là số tiền bị cáo L gửi cho chị Ng trả tiền đánh lô đề với bị cáo T, là công cụ phương tiện phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý trước đó là phù hợp nên không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s,i khoản 1,2 Điều 51, 58 BLHS cho cả hai bị cáo, thêm Điều 65 BLHS cho bị cáo Tuyết, Điều 36 BLHS cho bị cáo Liên.

Tuyên bố: Các bị cáo Hà Thị T, Hà Thị L phạm tội “*Đánh bạc*”

Xử phạt : Bị cáo Hà Thị T: 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo thử thách 24 (Hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Tuyết cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị L 09 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn giám sát, giáo dục bị cáo; Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo

không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo

Áp dụng: Điều 47 BLHS, Điều 106, 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 336 và khoản 1 Điều 337 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu số tiền 2.000.000đ sung quỹ Nhà nước, tịch thu mại 01 điện thoại Iphone X của bị cáo T phát mại sung quỹ nhà Nước.

(Vật chứng có đặc điểm tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Truy thu của bị cáo L số tiền 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và truy thu của bị cáo T số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Triệu Thành, Hợp Thành;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, THA, VP.

Lê Đình Hợp